

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐÔNG HƯNG  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Án số: 65/2021/HNGĐ - ST

Ngày **28/12/2021**

V/v: Tranh chấp hôn nhân và  
gia đình

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG, TỈNH THÁI BÌNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Lan Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

**1. Ông Hà Huy KHoa**

**2. Ông Đoàn Ngọc Sử**

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trịnh Lê N, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

***Đại diện VKSND huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa:*** Ông Vũ M Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 129/2021/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 10 năm 2021, về việc: “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Trang N, sinh năm 1988

ĐKHKT: Thôn P, xã N, huyện Đ, tỉnh T

Chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã N, huyện Đ, tỉnh T.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Quang Th - sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn P, xã N, huyện Đ, tỉnh T

**(Tại phiên tòa có mặt chị N, vắng mặt anh Th)**

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trang N trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Quang Th ngày 18/01/2014 do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh T. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay cãi nhau không ai nhường ai. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 4/2021 đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn anh Nguyễn Quang Th.

**Về con chung:** Chị và anh Th có 01 con chung là: Nguyễn Quang Phúc M, sinh ngày 04/12/2020. Ly hôn chị xin được nuôi con chung Nguyễn Quang Phúc M, yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con cùng chị 1.000.000 đồng/01 tháng. Hiện con đang ở với chị.

**Về tài sản:** Chị và anh Th không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Quang Th là bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; giấy triệu tập nhưng anh Th không đến Tòa án làm việc và cũng không nộp cho Tòa án văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn. Tòa án cùng đại diện chính quyền địa phương đến nhà anh Th nhiều lần nhưng không gặp được anh Th và người thân của anh Th để ghi lời khai.

**Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Trang N trình bày: Chị giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh Nguyễn Quang Th vì vợ chồng không còn tình cảm, không quan tâm đến nhau. Chị xin được nuôi con chung Nguyễn Quang Phúc M, sinh ngày 04/12/2020 và yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con cùng chị 3.000.000 đồng/01 tháng đến khi con đủ 18 tuổi. Hiện chị làm kế toán, thu nhập ổn định, bình quân hơn 5.000.000 đồng/tháng còn anh Th làm nghề tự do thu nhập không ổn định. Về tài sản, vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng phát biểu ý kiến:***

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Trang N đã chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn - anh Nguyễn Quang Th chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Trang N : Cho chị N được ly hôn anh Th. Về con chung: Xử giao con chung Nguyễn Quang Phúc M, sinh ngày 04/12/2020 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, chị N yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con cùng chị là 3.000.000 đồng/01 tháng, tuy nhiên chỉ chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng là phù hợp. Về tài sản chung, chị Nguyễn Thị Trang N khai vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng chưa có lời khai của anh Th về vấn đề này, do đó không giải quyết về tài sản chung vợ chồng giữa chị N và anh Th. Về án phí, chị Nguyễn Thị Trang N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Nguyễn Quang Th phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Quang Th có hộ khẩu thường trú tại xã N, huyện Đ, tỉnh T, căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình giải quyết vụ án là đúng pháp luật. Bị đơn anh Nguyễn Quang Th đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh Th.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị N kết hôn với anh Th ngày 18/01/2014 do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh T là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay cãi nhau không ai nhường ai. Chị N xin ly hôn, anh Th đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Th không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra chứng cứ, phiên hòa giải và cũng không nộp cho Tòa án văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn. Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã N thì chị N và anh Th kết hôn ngày 18/01/2014. Chị N xin ly hôn anh Th đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Nếu chị N vẫn cương quyết xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Xét thấy, chị N và anh Th sống ly thân từ tháng 4/2021, chị N đã về nhà bố mẹ đẻ chị sinh sống, vợ chồng không quan tâm đến đời sống của nhau, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh Th đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N xử cho chị N được ly hôn anh Th là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Chị N và anh Th có 01 con chung là Nguyễn Quang Phúc M, sinh ngày 04/12/2020. Ly hôn chị N xin được nuôi con chung. Ủy ban nhân dân xã N đề nghị Tòa án giao con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu Nguyễn Quang Phúc M còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi, hiện đang được chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, cần giao con chung Nguyễn Quang Phúc M cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, quá trình giải quyết vụ án chị N yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con cùng chị là 1.000.000 đồng/01 tháng. Tại phiên tòa, chị N yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con cùng chị là 3.000.000 đồng/tháng và xác nhận anh Th thu nhập không ổn định. Xét thấy, chị N chỉ làm kế toán thu nhập ổn định, thu nhập bình quân hơn 5.000.000 đồng/tháng, anh Th làm tự do thu nhập không ổn định.

Vì vậy, buộc anh Th cấp dưỡng nuôi con cùng chị N là 1.000.000 đồng/tháng là phù hợp. Việc thay đổi người nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi một trong các bên có đơn yêu cầu. Anh Nguyễn Quang Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Trang N khai vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng chưa có lời khai của anh Th về vấn đề này, do đó không giải quyết về tài sản chung vợ chồng giữa chị N và anh Th.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Trang N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Nguyễn Quang Th phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Trang N và anh Nguyễn Quang Th có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 266; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56; Điều 58; Điều 69; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho chị Nguyễn Thị Trang N được ly hôn anh Nguyễn Quang Th.

**2. Về con chung:** Xử giao con chung Nguyễn Quang Phúc M, sinh ngày 04/12/2020 cho chị Nguyễn Thị Trang N trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh Nguyễn Quang Th có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng chị N là 1.000.000 đồng/01 tháng, kể từ tháng 12 năm 2021 đến khi con đủ 18 tuổi. Việc thay đổi người nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi một trong các bên có đơn yêu cầu. Anh Nguyễn Quang Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

**3. Về tài sản chung:** Tòa án không giải quyết về tài sản.

**4. Về án phí:** Chị Nguyễn Thị Trang N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, anh Nguyễn Quang Th phải chịu 300.000 đồng tiền án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị N đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0002851 ngày 12/10/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hưng thành tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

**5. Về quyền kháng cáo:** Chị Nguyễn Thị Trang N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Quang Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ .

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thái Bình
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã N;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Phạm Thị Lan Phương**

